

Số: 370/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 19 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 204/2026/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 7 tổ A khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Phạm T1, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 6 khu phố B, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Tuấn thuận T2 ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu T và ông Phạm Tuấn thuận T2 ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị Thu T và ông Phạm T1 có 01 con chung tên là Phạm Lê Chí K, sinh ngày 06/03/2024. Ly hôn, bà T và ông T1 thỏa thuận giao con Phạm Lê Chí K cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phạm T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Phạm T1 được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà T và ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí HNGĐ-ST: Bà Lê Thị Thu T tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn và tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013252 ngày 31/12/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Văn Hùng

